TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Công ngệ kỹ thuật điện, điện tử**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Kỹ sư**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **152**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 6, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**6**			
TA70301	Key English 1(*)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2(*)	3	45	45	0
TA70303	Key English 3(*)	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community(*)	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
DT70115	Nhập môn chuyên ngành điện, điện tử	1	30	0	30
CB70107	Hiểu biết về DNTU(*)	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI(*)	1	15	15	0
CB70309	Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo	2	2	30	0
DT70116	Vật liệu điện-điện tử	2	30	30	0
CB70411	Giáo dục thể chất 1 – Bơi lội(*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 2: 24 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 24, tự chọn: 0)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**24**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70202	Toán Cao cấp	3	45	45	0
CB71202	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	2	30	30	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
DT70107	Thực hành phần mềm chuyên ngành	2	60	0	60
DT70117	Giải tích mạch điện	3	45	45	0
DT70208	Linh kiện điện tử	2	30	30	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1(*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2(*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3(*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4(*)	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)					
CB71410	Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá(*) - Pickleball	1	30	0	30
CB71412	Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá(*)	1	30	0	30
CB71403	Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền(*)	1	30	0	30
CB71404	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông(*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70203	Vật lý	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60

CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0
DT70118	Kỹ thuật đo	2	60	0	60
DT71115	Máy điện	2	30	0	0
DT71116	Khí cụ điện	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 6 học phần)		**2**			
CB71413	Giáo dục thể chất 3 – Fitness(*)	1	30	0	30
CB71406	Giáo dục thể chất 3 – Dancesport(*)	1	30	0	30
CB71407	Giáo dục thể chất 3 – Bóng rổ(*)	1	30	0	30
CB71414	Giáo dục thể chất 3 – Võ thuật(*)	1	30	0	30
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70307	Kỹ năng phòng tránh tai nạn trong công nghiệp	2	30	30	0
DT70210	Kỹ thuật xung- số	2	30	30	0
DT70211	Thực hành kỹ thuật xung- số	3	90	0	90
DT70119	Kỹ thuật cảm biến và đo lường	3	60	0	60
DT70213	Lý thuyết điều khiển tự động	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			

CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
DT70120	PLC	3	45	45	0
DT70121	Thực hành PLC	3	90	0	90
DT70212	Kỹ thuật lập trình C cho vi điều khiển	2	30	30	0
DT70214	Điện tử công suất	2	30	30	0
DT70215	Thực hành điện tử công suất	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
DT71117	Cung cấp điện	2	30	30	0
DT71221	Mạch điện tử	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 07)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CT70104	Autocad	2	0	0	60
DT70217	Đồ án kỹ thuật điện, điện tử	1	30	0	0
DT70216	Vi điều khiển	3	90	0	90
DT70122	Điện khí nén	2	30	30	0
DT70123	Thực hành điện khí nén	2	60	0	60
DT70113	Tự động hóa quá trình công nghệ	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 4 học phần)		**7**			
DT71104	Điều khiển máy điện	3	45	45	0
DT71222	Thực hành mạch điện tử	2	60	0	60
DT71124	Thiết kế cung cấp điện	3	90	0	90
DT71206	Thiết kế mạch điện tử	2	60	0	60
HỌC KỲ 7: 19 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 15)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			

DT70218	Đồ án kỹ thuật điều khiển	1	30	0	0
DT71122	Truyền động điện	3	90	0	90
Học phần tự chọn (Chọn 5 trong 10 học phần)		**15**			
DT71105	Thực hành điều khiển máy điện	3	90	0	90
DT71119	Kỹ thuật chiếu sáng	3	90	0	90
DT71123	Mạng truyền thông công nghiệp	3	90	0	90
DT71224	Thiết kế vi mạch số	3	45	45	0
DT71225	Thực hành thiết kế vi mạch số	3	90	0	90
DT71215	Vi điều khiển nâng cao	3	90	0	90
DT71229	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	3	90	0	90
DT71231	Năng lượng tái tạo	3	45	45	0
DT71232	Thực hành năng lượng tái tạo	3	90	0	90
DT71226	Lập trình hệ thống nhúng	3	90	0	90
HỌC KỲ 8: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 8, tự chọn: 10)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**8**			
DT70219	Thực tập tốt nghiệp	8	480	0	0
Khóa luận tốt nghiệp		***10***			
DT71234	Khóa luận tốt nghiệp	10	300	0	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***10***			
DT71230	Điều khiển thông minh	3	90	0	90
DT71228	Kỹ thuật IoT và ứng dụng	3	90	0	90
DT71233	Đồ án tốt nghiệp	4	120	0	0